

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hoa

2. Bà Lê Thị Luy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sùng Thị D, năm sinh 1986

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nơi làm việc: Trường mầm non số 1 xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, năm sinh 1974 – Là nhân viên Văn phòng luật sư Ngọc Bảo, thuộc đoàn luật sư tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số nhà 051 Lý Đạo N, phường K, thành phố L2, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vàng A L, năm sinh 1989

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn I, xã E, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người làm chứng:

- Anh Ly A Ký, năm sinh 1985

- Chị Tráng Thị Pá, năm sinh 1983

- Anh Hầu A Chinh, năm sinh 1990

- Anh Vàng Chính Vần, năm sinh 1978

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Điều vắng mặt.

- Chị Sùng Thị Mỹ, năm sinh 1992
- Anh Giàng A Lừ, năm sinh 1990
- Chị Hoàng Thị Sáo, năm sinh 1991

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Đều vắng mặt.

- Ông Sùng Ly Pao, năm sinh 1964

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn U, xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2023; bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2023; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; nguyên đơn chị Sùng Thị D cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị D và anh Vàng A L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng chị trầm trọng từ khi chị mang thai. Nguyên nhân, do thời gian tìm hiểu, yêu nhau trước khi kết hôn rất ngắn, chỉ trong một tuần lễ yêu nhau anh chị đã kết hôn nên chưa hiểu nhau; do đó khi về chung sống không hòa hợp, không hạnh phúc, bất đồng quan điểm mọi mặt trong cuộc sống. Từ khi chị D mang thai thì anh L thường xuyên đi đâu không về nhà, mà không nói cho chị D biết, anh L hay liên lạc và đi với người phụ nữ khác. Khi con chung của anh chị được 03 tháng tuổi thì anh L vào Đắk Lắk chung sống với người phụ nữ khác, chung sống được khoảng 01 tuần thì chị D biết nên anh L đã quay về nhà. Tuy nhiên, khi về nhà anh L thường xuyên chửi bới chị D và thỉnh thoảng đánh chị. Do trước khi kết hôn với anh L, chị D đã có một ngôi nhà riêng tại thị trấn S, huyện S nên sau khi kết hôn chị D vẫn thường xuyên đi lại và ở cả hai nơi tại nhà riêng của chị ở thị trấn S và nhà anh L đang chung sống cùng cha mẹ đẻ của anh tại xã E, huyện S. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn cãi chửi và đánh nhau ngày càng trầm trọng. Ngoài ra quá trình chung sống, chị D và cha mẹ chồng cũng phát sinh những mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, bất đồng trong việc khuyên bảo anh L. Thực tế từ tháng 6/2022 đến nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm tình cảm gì đến nhau nhưng cả hai vẫn đều quan tâm đến con chung; vợ chồng cũng không thể có tiếng nói chung, không thể nói chuyện tử tế được với nhau, thiếu tôn trọng và xúc phạm lẫn nhau. Tháng 3/2023, anh L đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D nhưng sau đó lại rút đơn về và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án; vì vậy chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi dưỡng con chung với anh L vì cả hai không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau được nữa. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để đảm bảo cuộc sống riêng của cả hai người.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Sùng Thị D và anh Vàng A L chỉ có một người con chung là cháu Vàng Công G, sinh ngày 18/01/2022.

Hiện nay cháu G do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu G cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con: Chị D có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hiện nay là giáo viên mầm non công tác tại trường mầm non số 1 xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai. Tiền lương của chị hiện nay là 11.800.000 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu G là 2.000.000 đồng/tháng. Vì vậy chị D hoàn toàn đủ điều kiện nuôi con mà không cần anh L phải cấp dưỡng.

Về quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung: Khi cháu G chưa đầy tháng tuổi thì chị D cùng con ở nhà cha mẹ đẻ của anh L tại xã E, huyện S. Tháng 02/2022 khi cháu G đầy tháng tuổi thì chị D đã đưa cháu G chuyển lên nhà riêng của chị tại thị trấn S sinh sống. Thời gian này, anh L và cha mẹ đẻ của anh L thường xuyên đi lại trông nom, chăm sóc cháu. Khi cháu G được 07 tháng tuổi, do phải đi làm xa, cả ngày mới về nhà nên chị D đã cho cháu G cai sữa để cháu G ở nhà cho anh L và ông bà nội trông cháu cho chị D đi làm. Sau này để thuận tiện cho công tác, chị D đã đưa cháu G về nhà tại xã C1, huyện S ở. Thời gian đầu thì anh L; cha mẹ đẻ của anh L cũng đi lại giữa xã E và xã C1 để trông nom, chăm sóc cháu G cho chị D đi làm. Nhưng vì bận việc làm ruộng nương, việc nhà và khoảng cách đi lại xa nên việc bà nội trông cháu G cũng không thể ổn định nên chị D đã thuê người trông cháu G cho chị đi làm; thời gian này vợ chồng chị vẫn sống ly thân, không quan tâm tình cảm đến nhau. Ngày 10/11/2022, trong khi chị D đang đi làm, cháu G đang được người chị D thuê trông nom tại nhà ở xã C1 thì anh L đã sang cổng cháu G về; ngay sau khi đi làm về, chị D đã sang đón cháu G nhưng anh L đã cản trở, không cho chị đón cháu G và từ đó chị không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến nay. Để tránh va chạm với anh L và gia đình nhà chồng nên chị D không sang thăm cháu; do mâu thuẫn nên chị và anh L cũng chặn hết mọi liên lạc điện thoại của nhau và chị D để giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Tháng 3/2023 khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, nuôi dưỡng con chung theo đơn khởi kiện của anh L, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, nay chị D giữ nguyên ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn. Từ khi sinh cháu G ra đến nay chị D chưa bao giờ bỏ con; chị không thể trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng; ngoài ra cháu G không được anh L chăm sóc trong điều kiện tốt, cháu phải ăn cơm chan nước lọc khi còn rất nhỏ, phải sống thiếu tình yêu thương của mẹ. Để đảm bảo cho con được chăm sóc tốt nhất khi cháu còn nhỏ, chị D yêu cầu Tòa án giao cháu G cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, sau này lớn lên thì việc cháu ở với ai là do cháu tự quyết định.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị Sùng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản.

2. Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2023; đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản và công nợ chung khi ly hôn đề ngày 29 tháng 6 năm 2023; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; bị đơn anh Vàng A L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng A L và chị Sùng Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn anh chị trầm trọng vào giữa năm 2022.

Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái và đối đãi với bố mẹ già nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đầu năm 2022 chị D đã chuyển hẳn sang ở ngôi nhà chung của vợ chồng anh chị ở xã C1, huyện S, tỉnh Lào Cai. Thực tế từ tháng 6/2022 đến nay anh chị không chung sống với nhau nữa, đã sống ly thân với nhau. Chị D cho rằng anh L có mối quan hệ bất chính bên ngoài và thường xuyên đánh đập chị D, nhấn tin đe dọa chị D thì đó là việc của chị D, anh L không quan tâm, bởi thực tế không có như thế. Anh L xác nhận, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh L đồng ý ly hôn với chị D nhưng với điều kiện việc ly hôn của anh chị không được làm ảnh hưởng đến cha mẹ hai bên; anh và chị D phải thống nhất được với nhau về con thì anh L mới đồng ý ly hôn với chị D.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh Vàng A L và chị Sùng Thị D chỉ có một người con chung là cháu Vàng Công G, sinh ngày 18/01/2022. Cháu G hiện nay do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu G cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi con chung mặc dù cháu G còn rất nhỏ, vì thực tế chị D đã bỏ con từ khi con còn rất nhỏ, khi đó cháu mới được 07 tháng tuổi, thời điểm đó cháu chưa đến tuổi cai sữa mẹ thì chị D đã bắt cháu phải cai sữa mẹ. Từ khi cháu được 09 tháng tuổi, anh L đã một mình nuôi con đến nay; chị D không hỏi thăm con một lần nào. Anh L cho rằng, cháu G đã sống cùng với anh L ổn định, cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và cháu G được anh L nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo; nếu giao cháu G cho chị D nuôi sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu, cháu G cũng không theo người lạ; chị D hiện nay chỉ có một mình nên khi cháu ốm đau không có ai để nhờ giúp đỡ, chị D phải đi làm sớm nên sẽ khổ cho cháu G phải dậy sớm. Chị D cũng đang nợ nần nhiều và phải nuôi thêm một người con riêng nữa. Trong khi, hiện tại ở với anh L cháu đang được ngủ thoải mái, đi học gần nhà. Anh L có đủ thu nhập để nuôi con, hiện nay anh L là bí thư chi bộ thôn Mào Sao Phìn, xã E, huyện S phụ cấp được 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng); anh L còn làm thợ cắt tóc tại chợ phiên E được tổ chức vào thứ tư hàng tuần. Tổng thu nhập của anh L một tháng được khoảng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Ngoài ra, anh L còn có cha mẹ để hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G. Vì vậy anh L hoàn toàn đủ điều kiện nuôi con mà không cần chị D phải cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Ngày 30/6/2023 bị đơn anh Vàng A L đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2023 yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn. Trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án thì anh L và chị D đã tự thỏa thuận xong với nhau về tài sản. Vì vậy, trước khi mở phiên tòa xét xử vụ án anh L đã có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và tại phiên tòa, anh L giữ nguyên ý kiến đề nghị rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản khi ly hôn nữa.

3. Ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện S đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản có tranh chấp theo yêu cầu của anh Vàng A L.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 17/8/2023 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Nay anh Vàng A L xin chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Đối với vụ án này, Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung, chia tài sản khi ly hôn ngày 30/8/2023. Tại phiên hòa giải, các bên đương sự đã thuận tình ly hôn; thống nhất được với nhau về tài sản chung (Trừ đất); các nội dung chưa thống nhất được là về nuôi dưỡng con chung khi ly hôn và đất. Đến trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án thì các đương sự đã thỏa thuận, thống nhất với nhau toàn bộ về tài sản nên anh L đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

5. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng quy định các Điều 26, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 259. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Sùng Thị D được ly hôn với anh Vàng A L.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Vàng Công G cho chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Vàng A L không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của anh Vàng A L.

- Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo: Tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Sùng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Vàng A L có địa chỉ nơi cư trú: Thôn Mào Sao Phìn, xã E, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị D và anh Vàng A L là hợp pháp. Chị Sùng Thị D và anh Vàng A L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị trầm trọng kể từ khi chị D mang thai, sinh con chung của anh chị. Nguyên nhân, do anh chị không có thời gian tìm hiểu kỹ về nhau, yêu nhau trước khi tiến tới hôn nhân nên ngay sau khi kết hôn, về chung sống với nhau được một thời gian ngắn, vợ chồng đã không hòa hợp, không hạnh phúc, không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái và đối đãi với cha mẹ già hai bên nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, thậm chí đánh nhau, xúc phạm và không tôn trọng lẫn nhau. Thực tế từ tháng 6/2022 đến nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm tình cảm gì đến nhau nữa. Tháng 3/2023, anh L đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D nhưng sau đó lại rút đơn về và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án; vì vậy chị D đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi dưỡng con chung với anh L vì cả hai không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau được nữa. Nay chị D và anh L đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để đảm bảo cuộc sống riêng của cả hai người; tại phiên hòa giải anh L đồng ý ly hôn với chị D; tuy nhiên tại phiên tòa anh L chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện việc ly hôn của anh chị không được làm ảnh hưởng đến cha mẹ hai bên; anh và chị D phải thống nhất được với nhau về con chung. Như vậy việc chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận; ý kiến của anh L là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị Sùng Thị D và anh Vàng A L chỉ có một người con chung là cháu Vàng Công G, sinh ngày 18/01/2022. Hiện nay cháu G do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D và anh L đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu G cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi; chị D và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy chị D hiện nay là giáo viên mầm non công tác tại trường mầm non số 1 xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai; chị D có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hiện nay thu nhập của chị D là 11.800.000 đồng/tháng; chị D có nhà để ở. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu G là 2.000.000 đồng/tháng. Vì vậy chị D hoàn toàn đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi

ly hôn. Từ khi cháu G được sinh ra, chị D chưa bao giờ bỏ con; sinh con xong, chị D ở tại nhà cha mẹ chồng, cháu G đầy tháng thì chị D đưa con về nhà riêng ở thị trấn S sinh sống; anh L và cha mẹ anh L cũng thường xuyên lên trông nom, chăm sóc; điều này đã được những người hàng xóm của anh L là anh Vàng A P, chị Giàng Thị A, chị Thào Thị Á, chị Tráng Thị O, chị Giàng Thị Đ, chị Giàng Thị M1, chị Giàng Thị C3 xác nhận ngày 05/9/2023 với nội dung “.....*đến tháng 02/2022, khi đầy tháng chị D đã đưa cháu G chuyển lên S ở, ngày nào anh L về E làm việc thì bố mẹ anh L lại lên trông cháu..*” (Tài liệu, chứng cứ do anh L giao nộp tại phiên tòa). Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, sau này chị D đưa con về xã C1 ở thì anh L và mẹ anh L cũng sang trông cháu G cho chị D đi làm. Tiếp đó để đảm bảo điều kiện ổn định, yên tâm công tác, chị D đã thuê người trông con cho chị D đi làm. Đến tháng 11/2022, khi cháu G đang được người chị D thuê trông nom thì anh L đã sang cổng cháu G về nhà anh L; khi đó chị D đang đi làm, không ở nhà; khi chị D đi làm về có sang đón cháu G nhưng không đón được; sau này do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị D để anh L nuôi con; chờ kết quả giải quyết ly hôn, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Việc chị D không thể trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc cho cháu G là do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể có tiếng nói chung về con. Cháu G được anh L đưa về nuôi dưỡng từ khi cháu được khoảng 9, 10 tháng tuổi tức là từ tháng 11/2022 đến nay là có căn cứ. Tháng 3/2023, anh L nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nuôi dưỡng con chung với chị D đến nay thì chị D giữ nguyên nguyện vọng được trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

Anh L cho rằng cháu G đã sống cùng với anh L ổn định, cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và cháu G được anh L nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo; nếu giao cháu G cho chị D nuôi sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu, cháu G cũng không theo người lạ; chị D hiện nay chỉ có một mình nên khi cháu ốm đau không có ai để nhờ giúp đỡ, chị D phải đi làm sớm nên sẽ khổ cho cháu G phải dậy sớm. Chị D cũng đang nợ nần nhiều và phải nuôi thêm một người con riêng nữa. Trong khi, hiện tại ở với anh L cháu đang được ngủ thoải mái, đi học gần nhà. Anh L có đủ thu nhập để nuôi con. Ngoài ra, anh L còn có cha mẹ để hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G. Vì vậy anh L hoàn toàn đủ điều kiện nuôi con mà không cần chị D phải cấp dưỡng. Xét thấy nội dung trình bày và những lo lắng của anh L đã thể hiện tình yêu thương của cha đối với con nhưng không phải là căn cứ để Hội đồng xét xử giao con dưới 36 tháng tuổi (Hiện nay cháu G gần được 20 tháng tuổi) để anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy để đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp mọi mặt của cháu Vàng Công G, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Vàng Công G cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Sùng Thị D và anh Vàng A L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ngày 30/6/2023 bị đơn anh Vàng A L đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2023 yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn. Trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án thì anh L và chị D đã tự thỏa thuận xong với nhau về tài sản. Vì vậy, trước khi mở phiên tòa xét xử vụ án anh L đã có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và tại phiên tòa, anh L giữ nguyên ý kiến đề nghị rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản khi ly hôn nữa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, 218, 219 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2023 của anh L là đúng quy định của pháp luật.

[6] Các vấn đề khác có liên quan:

- Quá trình chung sống, chị D và anh L cùng vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Bắc Hà – Phòng giao dịch huyện S theo hợp đồng tín dụng lập ngày 21/10/2020 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); quá trình giải quyết vụ án, dư nợ còn lại là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) thì chị D và anh L đã thỏa thuận cam kết trả nợ xong với ngân hàng. Ngân hàng không có ý kiến gì đối với khoản nợ này.

- Ông Sùng Seo P; chị Nông Thị Th; chị Nguyễn Thị Nh; anh Sùng Seo T4; anh Giảng A Ph; anh Trương Văn Tr; anh L Văn Ch là những người chị D trình bày là nợ họ tiền vay để làm nhà, nợ tiền vật liệu hoặc tiền công làm nhà tại Thôn C, xã C1, huyện S. Ông Vàng A A1 là người anh L trình bày là nợ tiền vay để làm nhà tại Thôn C, xã C1, huyện S. Mặc dù tất cả những người này, đã được Tòa án thông báo hợp lệ về khoản nợ theo trình bày của chị D và anh L nhưng tất cả họ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Vàng A L phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Anh L đã nộp đủ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[8] Về án phí sơ thẩm:

- Chị Sùng Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Anh Vàng A L không phải chịu tiền án phí chia tài sản khi ly hôn sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 157; Điều 217, 218, 219 Bộ luật tố tụng

dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Sùng Thị D và anh Vàng A L. Quan hệ hôn nhân của chị Sùng Thị D và anh Vàng A L được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Vàng Công G, sinh ngày 18/01/2022 cho chị Sùng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Vàng Công G đủ 18 tuổi. Anh Vàng A L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2023 của anh Vàng A L.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Vàng A L phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Xác nhận anh Vàng A Lùng đã nộp đủ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Sùng Thị D phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006995 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị Sùng Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Vàng A L không phải chịu tiền án phí yêu cầu chia tài sản khi ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Vàng A L số tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn đã nộp là 7.500.000 đồng (bằng chữ: Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002256 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Người bảo vệ Q&LIHP của ND;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã E,
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- UBND xã C1,
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

